

Bản án số: 216/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7-2024.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THĂNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Mỹ Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Thái Sơn

bà Nguyễn Thị Thu Sang

- Thư ký phiên tòa: ông Hồ Quốc Việt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Trúc Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Phan Thị Th, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 5, thôn Châu Xuân, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Quang K, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 2, thôn An Lộc, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Thị Th và ông Nguyễn Quang K là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 08/6/2016, tại UBND xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng kết hôn hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, ông K lại hay nhậu nhẹt về gây gổ với vợ con. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà Th yêu cầu ly hôn ông K.

Về quan hệ con chung: vợ chồng bà có 01 con chung là Nguyễn Quang T, sinh ngày 05/8/2016. Khi ly hôn bà Th yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Quang K không có mặt theo các Thông báo của Tòa án nên không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: cho bà Phan Thị Th được ly hôn ông Nguyễn Quang K.

Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giao con chung Nguyễn Quang T, sinh ngày 05/8/2016 cho bà Phan Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: trong quá trình giải quyết vụ án các bên không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Quang K có địa chỉ cư trú tại tổ 2, thôn An Lộc, xã B, huyện Thăng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình có thẩm quyền thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn ông Nguyễn Quang K không hợp tác, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Thị Th và ông Nguyễn Quang K là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 08/6/2016, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà Th và ông K chung sống không hạnh phúc. Theo bà Th, nguyên nhân là do ông K thường xuyên ăn nhậu về chửi mắng, gây gổ với vợ con. Bà Th đã báo chính quyền địa phương nhờ can thiệp nhiều lần, nhưng ông K vẫn không thay đổi. Điều này phù hợp với biên bản xác minh ngày 29/3/2024 tại Ủy ban nhân dân xã B có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình tố tụng, ông K không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án thể hiện thái độ xem thường pháp luật và không mong muốn xây dựng gia đình.

Xét thấy, bà Th và ông K đã sống ly thân cho đến nay và không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, ông K còn có hành vi hành hung, bạo hành gia đình với bà Th trong quá trình giải quyết vụ án bà Th cương quyết ly hôn. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa bà Th và ông K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th.

[4] Về nuôi con chung: vợ chồng bà Th và ông K có 01 con chung là Nguyễn Quang T, sinh ngày 05/8/2016, bà Th có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà Th thì thấy: trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cháu T có bản tự khai khi bố mẹ ly hôn có nguyện vọng được ở với mẹ, ông K không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không thể hiện nguyện vọng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho bà Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: bà T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Th về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Quang K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 05/8/2016 cho bà Phan Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: bà Phan Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Phan Thị Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008430 ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Thăng Bình;
- Chi cục THADS huyện Thăng Bình;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Mỹ Trinh

